Mẫu 01

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐIỆN BIÊN
TRƯỜNG THPT MƯỜNG NHÉ

Số:139 /QĐ-THPT MN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mường Nhé, ngày 07tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai thực hiện dự toán thu, chi ngân sách 9 tháng đầu năm 2026 của trường THPT Mường Nhé

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT MƯỜNG NHÉ

Căn cứ Luật ngân sách số 89/2025/QH15 của Quốc hội ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25/3/2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ thông tư 15/2026/TT-BGD ĐT ngày 24/03/2026 ban hành điều lệ trường tiểu học, trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ kết quả thực hiện thu, chi ngân sách 9 tháng đầu năm 2026 của trường THPT Mường Nhé ;

Xét đề nghị của Phụ trách kế toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai thực hiện số liệu chi ngân sách 9 tháng đầu năm 2026 của trường THPT Mường Nhé (theo biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Phụ trách kế toán, các bộ phận liên quan và các cá nhân trong nhà trường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Sở GD&ĐT Điện Biên; (để b/c)
- Lưu: VP.

HIỆU TRƯỞNG

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH ĐIỆN BIÊN
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG MƯỜNG NHÉ

Lê Trường Giang



CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

(Ban hành kèm theo Quyết định số 139/QĐ-THPTMN ngày 07/10/2026 của trường THPT Mường Nhé)

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 9 tháng	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý II (6tháng) so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ%)
1	2	3	4	5	6
A	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**				
I	**Số thu phí, lệ phí**	0	0	0	0
1	Lệ phí				
2	Phí				
II	**Chi từ nguồn thu phí được để lại**	0	0	0	0
1	***Chi sự nghiệp….***				
a	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
b	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
2	**Chi quản lý hành chính**				
a	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ				
III	**Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước**	0	0	0	0
1	***Lệ phí***				
	Lệ phí...				
2	Phí				
	Phí ...				
B	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**				
I	**Nguồn ngân sách trong nước**				
1	**Chi quản lý hành chính**				
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	0	0	0	0
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	0	0	0	0
2	**Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số**	0	0	0	0
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				

-	*Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ*				
-	*Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo không cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ*				
2.2	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
2.3	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
-	*Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo*				
-	*Nhiệm vụ chuyển đổi số*				
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo**	**35.943,506**	**26.693,47**	**74,2**	
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	728,516	302,54	41,5	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	**35.214,99**	26.390,93	74,9	
	- Kinh phí chi tiền lương và các khoản đóng góp theo tiền lương, chi hoạt động chuyên môn, chi quản lý, các khoản chi khác	23.784,0	18.298,153	76,9	
	Trong đó:				
	+ Kinh phí tiết kiệm 10% thực hiện cải cách tiền lương	134			
	+ Kinh phí tiết kiệm thêm 10% bổ sung nguồn chi an sinh xã hội	134			
	- Tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	618,83	304,298	49,2	
	- Cấp bù học phí theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP	156	156,0	100	
	- Hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP	1.352	1.352	100	
	- Hỗ trợ học sinh thôn, xã đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 66/2025/NĐ-CP	8.988,0	6.057,936	67,4	
	- Hỗ trợ cho người khuyết tật theo TTLT số 42/2013/TTLT	85,0	37,44	44,0	
	- Hỗ trợ học sinh bán trú ôn thi tốt nghiệp THPT năm học 2025-2026	145,03	113,23	78,1	
	- Phụ cấp ưu đãi cho giáo viên trực tiếp dạy người khuyết tật học kỳ II năm học 2025-2026.	47,13	46,872	99,5	

	- Gia hạn phần mềm kế toán Misa	10	10,0	100	
	- phần mền quản lý tài sản	17	15	88,2	
	- Phần mềm quản lý cán bộ	12	0	0	
	Chương trình MTQG phát triển Kinh tế- xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi:				
	Tiểu dự án 3 của dự án 5: Dự án phát triển giáo dục dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng DTTS&MN (sự nghiệp giáo dục)	0	0	0	0
	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững:	***0***	***0***	***0***	***0***
	Tiểu dự án 1 dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn (dự nghiệp giáo dục) (mã CTMT: 00474; nguồn ngân sách trung ương)	0	0	0	0
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**	0	0	0	0
4.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
4.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
5	**Chi bảo đảm xã hội**	0	0	0	0
6	**Chi hoạt động kinh tế**	0	0	0	0
7	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**	0	0	0	0
8	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**	0	0	0	0
9	**Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn**	0	0	0	0
10	**Chi sự nghiệp thể dục thể thao**	0	0	0	0
II	**Nguồn vốn viện trợ**	0	0	0	0
1	**Chi quản lý hành chính**				
...					
10	**Chi sự nghiệp thể dục thể thao**				
10.1	Dự án A				
III	**Nguồn vay nợ nước ngoài**	0	0	0	0
1	**Chi quản lý hành chính**				
...					
10	**Chi sự nghiệp thể dục thể thao**				